

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST

Ngày 29 - 8 -2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Thế

Ông Tạ Đình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Thị Huỳnh N** – sinh ngày 27 tháng 10 năm 2001 tại tỉnh An Giang.

Tên gọi khác: không

S CMND/Thẻ CCCD/Hộ Chiếu: 089301017720, cấp ngày 18/10/2024; nơi cấp: Cục C về TTXH;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nay thuộc

Chỗ ở hiện tại: Thôn A, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo.

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 05/12

Con ông: Dương Văn T, sinh năm 1979.

Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nay thuộc

Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978 (đã chết).

Bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Văn T1 sinh năm 1995 trú tại thôn A xã L, tỉnh Đồng Nai và có 01 người con chung sinh năm 2023.

Tiền sự, Tiền án: không

Ngày 20/3/2025 bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (có mặt)

2. Họ và tên: **Cao Văn L** – sinh ngày 24 tháng 8 năm 1994; tại tỉnh Bình Phước nay là tỉnh Đồng Nai.

Tên gọi khác: không

S CMND/Thẻ CCCD/Hộ Chiếu: 070094006149, cấp ngày 14/06/2023; nơi cấp: Cục C về TTXH;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 07/12

Con ông: Cao Văn L1, sinh năm 1965.

Con bà: Lê Thị B, sinh năm 1966.

Đều trú tại thôn H, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Anh, chị em: có 02 người, bị cáo là con út trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự, Tiền án: không.

Về nhân thân: Ngày 19/12/2016 bị Ủy ban nhân dân phường I, quận G, thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đưa vào cơ sở xã hội N1 để quản quản lý cất con, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 401. Ngày 23/12/2016, Ủy ban nhân dân phường I, quận G, thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 406 về việc hủy quyết định 401 do trong thời gian quản lý để lập hồ sơ đưa đi cai nghiện đã xác định địa chỉ cư trú ổn định của Cao Văn L nên L không thuộc đối tượng đưa đi cai nghiện bắt buộc nữa và giao L về địa phương quản lý theo quy định; Ngày 10/01/2021, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 11/3/2025 đến nay. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Tuyết L2, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1/ Chị Huỳnh Thị V, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Trần Thanh M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai.

3/ Anh Phạm Văn K, sinh năm 2010; nơi cư trú: Thôn A, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Người chứng kiến: Hoàng Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn A, xã L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn L và Dương Thị Huỳnh N, Huỳnh Thị V (tên thường gọi là T2, H1) sinh năm 1999 trú tại thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai và Trần Thanh M (tên thường gọi là Minh L3) sinh năm 1995 trú tại thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai là bạn bè quen biết nhau.

Khoảng 08 giờ ngày 11/03/2025, V đến nhà N tại thôn A, xã L, tỉnh Đồng Nai trả nợ cho N và V nhắn tin rủ M đến nhà N chơi. Đến khoảng 10 giờ ngày 11/03/2025, L điều khiển xe mô tô Honda Vision biển số 93P2-378.22 màu xanh đi mua ma túy đá của một người đàn ông tên T3 (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 300.000 đồng mang tới nhà N. Tại nhà N, L gặp V, Phạm Văn K (em trai của N), sinh ngày 28/12/2010 trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang và N cùng với đứa con 15 tháng tuổi của N. Trong lúc ngồi chơi, L thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế để trên chiếu ở phòng khách nên L hỏi N “còn ma túy không” thì N nói “hết rồi” L lấy gói ma túy mua trước đó đổ vào nỏ thủy tinh và bật lửa đốt ma túy sử dụng trước và hút được 2 hơi, sau đó lần lượt V, N cũng thay phiên nhau vừa sử dụng ma túy vừa bấm điện thoại và nói chuyện đến khi hết ma túy. K chỉ ngồi chơi game không sử dụng ma túy. Khoảng 12 giờ cùng ngày, M đến nhà N ngồi chơi game còn V đi về mua sữa cho con của V. Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, N đưa cho L 500.000 đồng đi mua ma túy về sử dụng thì L điều khiển xe mô tô 93P2-378.22 đi mua tiếp 500.000 đồng ma túy đá của T3. Khi L quay về nhà N, L thấy M ở phòng khách, L lấy một ít ma túy đổ ra nỏ thủy tinh rồi L và M sử dụng cùng nhau, mỗi người tự lấy dụng

cụ chứa ma túy đốt và hút. Lúc sau, V quay lại nhà N, N và V nói chuyện với nhau một lúc thì V lên nằm võng còn N ngồi sử dụng ma túy cùng với L và M. Sau đó, N đưa cho V sử dụng rồi đến K lấy hút một hơi rồi K bấm điện thoại. Số ma túy còn lại trong gói nylon L để dưới chân bên hông tủ lạnh gần chỗ ngồi sử dụng ma túy. Một lúc sau, V và M đi về, N thì vào phòng ngủ. K đưa bạch ma túy còn lại cho N nhưng N sợ chồng phát hiện nên bảo K đưa lại cho L nhưng K không đưa lại cho L mà giấu gói ma túy đá trong hộc móc treo đồ trên tường trong phòng ngủ của N. Sau đó, K ra ngoài phòng khách thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đang còn ma túy nên lấy ra phía sau sử dụng một mình thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L, K và N.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm: 01 vỏ chai bằng nhựa hiệu Sting màu đỏ, cao 18,8cm đường kính miệng 2,5cm có nắp màu đỏ trên nắp chai đục 02 lỗ, 01 lỗ gắn với ống hút bằng nhựa màu trắng đường kính 0,5cm, dài 18cm; 01 nõ thủy tinh dài 07cm được uốn cong một đầu phình to hình cầu đường kính 1,2cm bên trong nõ còn bấm dính khói màu trắng;

- 01 (một) gói nylon trong hàn kín kích thước (4x7,4)cm được hàn kín 03 mặt, 01 mặt kéo dính, trên mặt kéo dính có sọc chỉ màu đỏ, bên trong gói nylon có chứa các tinh thể rắn màu trắng nghi vẫn là ma túy tổng hợp dạng đá;

- 01 quẹt gas nhãn hiệu MH PING GOU, nút ấn quẹt gas màu xanh, trên bao bì có in hình chiếc điện thoại màu trắng và trái táo màu xanh.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, BSKS: 93P2-378.22;

- Thu giữ của Cao Văn L 01 điện thoại di động hiệu Redmi, model M2006C3LG, màu xanh đen.

- Thu giữ của Dương Thị Huỳnh N 01 điện thoại VIVO màu xanh đen, khu vực cụm camera có dòng chữ “PREMIUM LENS” và 01 điện thoại OPPO màu xanh.

Tại Kết luận giám định số 279/KL-KTHS ngày 19/3/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: về tinh thể màu trắng (M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,2305 gam và chất màu nâu (M2) bấm dính trong một đoạn nõ thủy tinh là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,0718 gam.

Tại bản cáo trạng số: 08/2025/ CT – VKS ngày 06/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Dương Thị Huỳnh N và Cao Văn L về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo N và bị cáo L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hai tình tiết định khung: “Phạm tội hai lần trở lên”; “Đối với hai người trở lên” theo quy định điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; 17, 50, 58, 55, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

-Xử phạt bị cáo Dương Thị Huỳnh N 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt 08 năm đến 09 năm tù về tội tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung từ 10 đến 12 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn L 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt 08 năm đến 09 năm tù về tội tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung từ 10 đến 12 năm tù.

Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (đã được niêm phong); bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm 01 chai nhựa sting nắp đỏ, 01 nỏ thủy tinh; 01 quẹt gas.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, BSKS: 93P2-378.22 xác định là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Tuyết L2, sinh năm 2000 trú tại thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai. Lê cho Cao Văn L mượn sử dụng để đi lại, việc L sử dụng làm phương tiện để đi mua ma túy tổ chức sử dụng tại nhà N thì L2 không biết. Ngày 13/6/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho bà L2 là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi thu giữ của Cao Văn L; 01 điện thoại OPPO màu xanh thu giữ của Dương Thị Huỳnh N xác định là tài sản của L và N không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

- Các bị cáo tự bào chữa: các bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố; không có lời bào chữa nào khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/3/2025; lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Qua đó có cơ sở xác định: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 10 giờ, ngày 11/3/2025, bị cáo Cao Văn L đi mua 300.000 đồng ma túy đến nhà bị cáo Dương Thị Huỳnh N tại thôn A, xã L, tỉnh Đồng Nai. Tại đây bị cáo N chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế để cùng sử dụng với bị cáo L và Huỳnh Thị V hết số ma túy trên. Đến 13 giờ cùng ngày, bị cáo N đưa cho bị cáo L số tiền 500.000 đồng đi mua ma túy về nhà N để bị cáo N bị cáo L cùng với Huỳnh Thị V, Trần Thanh M và Phạm Văn K cùng sử dụng. Khi K đang sử dụng thì bị Công an bắt quả tang. Theo kết luận giám định tinh thể màu trắng có trong một đoạn nỏ thủy tinh là ma túy, có khối lượng là 0,0718 gam và số ma túy bị cáo L, N, K cất giấu tại nhà N có khối lượng là 0,2305 gam có khối lượng là 0,2305 gam, loại Methamphetamine.

Hành vi cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho ba người: Huỳnh Thị V, Trần Thanh M và Phạm Văn K sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng hai lần trong ngày 11 tháng 3 năm 2025. Số ma túy các bị cáo sau khi tổ chức sử dụng còn lại có khối lượng là 0,2305 gam, loại Methamphetamine, các bị cáo N và bị cáo L tiếp cất giấu trong nhà N, mục đích để sử dụng không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Do đó, các hành vi này đủ yếu tố cấu thành 02 tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hai tình tiết định khung: “phạm tội hai lần trở lên”; “Đối với hai người trở lên” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội các bị cáo 02 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người nghiện ma túy, biết rõ các tác hại của ma túy nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên việc áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc cụ thể về kế hoạch phạm tội, không phân công nhiệm vụ cụ thể chỉ cùng nhau tiếp nhận ý chí và cùng thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt ngang nhau.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo L có nhân thân xấu; bị cáo N có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

Đối số ma túy còn lại sau giám định (đã được niêm phong); bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm 01 chai nhựa sting nắp đỏ, 01 nỏ thủy tinh; 01 quẹt gas. Cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, BSKS: 93P2-378.22 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Tuyết L2. Chị L2 cho bị cáo Cao Văn L mượn sử dụng để đi lại, việc L sử dụng làm phương tiện để đi mua ma túy tổ chức sử dụng tại nhà N thì L2 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho bà L2 là có căn cứ, L2 không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với điện thoại di động hiệu Redmi, model M2006C3LG, màu xanh đen thu giữ của Cao Văn L và 01 điện thoại VIVO màu xanh đen; 01 điện thoại OPPO màu xanh thu giữ của Dương Thị Huỳnh N. Bị cáo L và N không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[8] Đối với hành vi giấu gói ma túy của Phạm Văn K nhằm mục đích sử dụng tiếp có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo N và L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 BLHS. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi K mới 14 tuổi 08 tháng 22 ngày tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3, Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Do đó, không đủ căn cứ xử lý hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của K.

[9] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Đối với đối tượng bán ma túy cho L hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể nên chưa có căn cứ xử lý. Đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 02 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 và Điều 55 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Dương Thị Huỳnh N phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị Huỳnh N 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (B1) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung của hai tội là 08 (T4) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, Điều 55 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn L 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (B1) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung của hai tội là 08 (tám) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11 tháng 3 năm 2025).

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định (đã được niêm phong); bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm 01 chai nhựa sting nắp đỏ, 01 nỏ thủy tinh; 01 quẹt gas.

- Trả lại bị cáo Cao Văn L 01 điện thoại di động hiệu Redmi.

- Trả lại cho bị cáo Dương Thị Huỳnh N 01 điện thoại OPPO màu xanh và 01 điện thoại VIVO màu xanh đen.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 18/8/2025 giữa Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- Đồng Nai).

3. Về án phí: Căn cứ các điều 331, 333 và 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Dương Thị Huỳnh N và Cao Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11-Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 2
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Tịnh

